

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 8,9,10 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						543 675	257 411	286 264			
I		CẢNG CHÍNH						175 406	78 562	96 844			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						70 158	70 044	114			
1		ĐIỆN VINH TÂN	2/8	497/8		VIỆT THUẬN 26-02	CẨM 6A.14	25 600	25 689	- 89	7/8	HỘ LỚN	TTCO: 25.600
2		ĐẠM HÀ BẮC	1/8	496/8	11/8	QN 4114	CẨM 4A.1	1 700	1 696	4	7/8	HỘ LỚN	TTCO: 1.700
3		ĐIỆN VINH TÂN 1	31/7	493/7		VIỆT THUẬN 235-02	CẨM 6A.1	25 200	25 087	113	9/8	HỘ LỚN	TTCO: 25.200
4		ĐẠM HÀ BẮC	4/8	503/8		2 TĐ 115	CẨM 4A.1	2 390	2 380	10	9/8	HỘ LỚN	
5		CROMIT CỎ ĐỊNH THANH HÓA	4/8	1965/8	14/8	HÙNG KHÁNH 10	CẨM 5A.1	4 750	4 736	14	7/8	PTCB	
6		KDT MIỀN BẮC	7/8	1998/8	17/8	NB 8295	CẨM 5A.1	2 600	2 593	7	9/8	PTCB	
7		DVVT QUẢNG NINH	1/8	1908/7	8/8	BN 2519	CỤC XỔ 1C	1 100	1 086	15	7/8	TD	GIA HẠN LẦN 1
8		CP CATALAN	4/8	1971/8	11/8	BN 2678	CỤC 5A.1	1 550	1 548	2	8/8	TD	
9		KDT MIỀN BẮC	6/8	1987/8	13/8	HD 5935	CẨM 2A.1	2 892	2 870	22	8/8	TD	
10		KDT MIỀN BẮC	6/8	1988/8	13/8	HP 5915	CẨM 2A.1	2 376	2 360	16	9/8	TD	
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						28 500	8 518	19 982			
1		ĐIỆN VINH TÂN 1	3/8	500/8		HẢI NAM 79	CẨM 6A.1	27 300	7 938	19 362	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTCO: 27.300
2		XNK VTA TẠI HẢI PHÒNG	2/8	1949/8	9/8	BN 0679	CỤC XỔ 1C	1 200	580	620	RÓT DỖ	TD	
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						76 748		76 748			
1		ĐIỆN VINH TÂN 1	13/7	455B/7		VIỆT THUẬN 26-01	CẨM 6A.1	25 600		25 600		HỘ LỚN	Thay TBRT số 455/7 TTCO: 25.600
2		ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ	28/7	484/7		VIỆT THUẬN 235-01	CẨM 5A.10	23 000		23 000		HỘ LỚN	TTCO: 23.000
3		ĐIỆN DUYÊN HẢI	31/7	487B/7		QUANG VINH DIAMOND	CẨM 6A.14	20 500		20 500		HỘ LỚN	TTCO: 20.500 Thay TBRT Số 487/7
4		KDT MIỀN BẮC	8/8	2005/8	18/8	NB 8348	CẨM 5A.1	2 360		2 360		PTCB	
5		KDT HẢI PHÒNG	8/8	2011/8	18/8	BN 2618	CẨM 5A.1	1 688		1 688		PTCB	
6		SX & TM THAN UỐNG BÍ	6/8	1989/8	13/8	BN 2196	CỤC XỔ 1C	1 100		1 100		TD	
7		DVVT QUẢNG NINH	6/8	1995/8	13/8	BN 2615	CỤC XỔ 1C	1 300		1 300		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 8,9,10 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
8		MẬT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	7/8	2002/8	14/8	NB 8530	CỤC XỎ 1C	1 200		1 200		TD	
		Tàu chuyển tải						167 340	62 444	104 896			
		Tàu đã làm hàng						49 650	49 444	206			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	4/8	498B/8		VIỆT THUẬN 26-03	CÁM 6A.1	25 600	25 500	100	8/8	HỘ LỚN	TTHG: 15.937,15 - KVCP: 9.562,76 Thay TBRT SỐ 498/8
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	3/8	499/8		HPS-02	CÁM 6A.1	24 050	23 945	105	9/8	HỘ LỚN	TTHG: 18.621,82 - KVCP: 5.322,74
		Tàu dự kiến rút trong ngày						96 990	13 000	83 990			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	15/7	463/7		PACIFIC 01	CÁM 6A.1	27 690	13 000	14 690	ĐỎ	HỘ LỚN	TTHG: 22.500 - KVCP: 5.690
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	5/8	504/8		QUANG VINH 188	CÁM 6A.1	22 800		22 800		HỘ LỚN	TTHG: 18.000 - KVCP: 4.800
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	7/8	507/8		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 6A.1	46 500		46 500		HỘ LỚN	TTHG: 41.000 - KVCP: 5.500
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						20 700		20 700			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN	9/8	509/8		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 6A.14	20 700		20 700		HỘ LỚN	XNKT: 10.000 KVCP: 4.700 KDTCP: 6.000
II		KHO G9-HÓA CHẤT						45 648	12 631	33 017			
		Tàu đã làm hàng						11 276	11 119	157			
1		KDT MIỀN BẮC	4/8	1970/8	14/8	NB 8308	CÁM 7B	3 100	3 041	59	7/8	PTCB	NGUỒN ĐN-CS
2		KDT MIỀN BẮC	7/8	2000/8	17/8	HP 6690	CÁM 7C	2 226	2 200	26	8/8	PTCB	
3		VT & KDT	2/8	1878/7	9/8	BN 1818	CÁM 8A	1 980	1 934	46	7/8	TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 1
4		CP XNK THAN	2/8	1815/7	9/8	QN 8068	CỤC XỎ 1A	970	956	14	9/8	TD	NGUỒN ĐN-CS, GIA HẠN LẦN 2
5		XNK VTA TẠI HẢI PHÒNG	2/8	1938/7	9/8	HP 5531	CÁM 8A	3 000	2 988	12	9/8	TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 1
		Tàu dự kiến rút trong ngày						3 940	1 512	2 428			
1		THAN MIỀN TRUNG	3/8	1963/8	10/8	PHÚC THỊNH 18	CỤC XỎ 1B	940		940	RÓT ĐỎ	TD	NGUỒN ĐN-CS
							CÁM 8A	1 000	679	321		TD	
2		DVVT QUẢNG NINH	2/8	1913/7	9/8	VIỆT TRUNG 69	CÁM 8A	2 000	833	1 167	RÓT ĐỎ	TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 1
		Tàu đã làm lệnh						30 432		30 432			
1		TCT ĐÔNG BẮC	2/8	1903/7	9/8	QN 8547	CÁM 8A	996		996		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 1
2		KDT MIỀN BẮC	1/8	1947/8	8/8	QN 8265	CÁM 8B	1 900		1 900		TD	NGUỒN ĐN-CS Tiếp theo TBRT 1918/7

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 8,9,10 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
3		KDT MIỀN BẮC	2/8	1922/7	9/8	BN 0988	CỤC XỔ 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 1
4		CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	2/8	1925/7	9/8	HD 2266	CÁM 8A	1 979		1 979		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 1
5		KDT MIỀN BẮC	1/8	1921/7	8/8	BN 2212	CÁM 8A	1 921		1 921		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 1
6		VT & KDT	2/8	1935/7	9/8	BN 2397	CỤC ĐON 8C	1 000		1 000		TD	NGUỒN HẠ LONG GIA HẠN LẦN 1
7		DVVT QUẢNG NINH	2/8	1937/7	9/8	BN 2139	CỤC XỔ 1A	1 050		1 050		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 1
8		XNK ANH KHOA	2/8	1936/7	9/8	BN 2267	CỤC XỔ 1B	1 250		1 250		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 1
9		CP XNK THAN	2/8	1942/7	9/8	BN 1789	CÁM 8A	1 600		1 600		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 1
10		CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	2/8	1944/7	9/8	BN 2646	CỤC ĐON 8C	1 175		1 175		TD	NGUỒN HẠ LONG GIA HẠN LẦN 1
11		KDT MIỀN BẮC	3/8	1943/7	10/8	BN 2056	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 1
12		CPVT MIKADO	3/8	1939/7	10/8	BN 2629	CÁM 4A.1	1 980		1 980		TD	NGUỒN CAO SƠN GIA HẠN LẦN 1
13		SX & TM THAN UÔNG BÍ	3/8	1920/7	10/8	BN 1718	CÁM 8A	1 300		1 300		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 1
14		ĐTTM & DỊCH VỤ	4/8	1973/8	11/8	NĐ 3692	CÁM 8A	2 400		2 400		TD	
15		CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	5/8	1980/8	12/8	HD 1818	CÁM 8A	1 981		1 981		TD	
16		CP XNK THAN	5/8	1979/8	12/8	HUẾ TÂN 168	CÁM 8A	1 700		1 700		TD	NGUỒN ĐN-CS Thay TBRT 1942/7
17		HÀNG HẢI VIỆT NAM	5/8	1977/8	12/8	BN 1486	CÁM 8A	1 600		1 600		TD	NGUỒN ĐN-CS
18		CBT QUẢNG NINH	6/8	1993/8	13/8	QN 8759	CÁM 8B	1 700		1 700		TD	NGUỒN ĐN-CS
19		THAN MIỀN NAM	7/8	1997/8	14/8	AN THÀNH 68	CÁM 8A	800		800		TD	Thay TBRT 1992/8
							CỤC XỔ 1B	1 000		1 000		TD	
20		CP XNK THAN	8/8	2004/8	15/8	TB 2266	CỤC XỔ 1B	1 100		1 100		TD	
III		<u>KHO BẢO NGUYỄN</u>						<u>2 326</u>	-	<u>2 326</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>											
		<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>											
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						2 326		2 326			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 8,9,10 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1		DIỆN PHẢ LAI	9/8	508/8	20/8	TĐ 18-1	CÁM 5B.14	2 326		2 326		HỘ LỚN	
IV		KHO CẢNG KM6						54 755	26 787	27 968			
		Tàu đã làm hàng						25 602	25 363	239			
1		NHÓM LÂM ĐỒNG	6/8	1994/8	16/8	HOÀNG GIA 56	CÁM 5A.1	1 715	1 708	7	7/8	HỘ LỚN	
							CỤC 4A.2	1 370	1 353	17			
2		CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	31/7	1933/7	8/8	MINH HẰNG 262	CÁM 5A.1	4 200	4 136	64	8/8	PTCB	
3		KDT MIỀN BẮC	7/8	1996/8	17/8	NB 8104	CÁM 5B.1	2 360	2 346	14	8/8	PTCB	
4		KDT MIỀN BẮC	8/8	2006/8	18/8	HP 6993	CÁM 5B.1	2 000	1 997	3	9/8	PTCB	
5		CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	8/8	2008/8	18/8	NGHI SƠN 88	CÁM 6B.1	3 120	3 022	98	9/8	PTCB	
6		SX & TM THAN UÔNG BÍ	7/8	2001/8	14/8	BN 1883	CỤC XÔ 1B	1 300	1 287	13	8/8	TD	
7		DVVT QUẢNG NINH	3/8	1962/8	10/8	BN 1879	CỤC ĐON 8A	1 060	1 052	8	9/8	TD	NGUỒN QUANG HẠNH
8		KHO VẬN ĐÁ BẠC	5/8	1981/8	15/8	VIỆT NHẬT 18	CÁM 5B.1	2 461	2 456	5	7/8	CHUYÊN VÙNG	
9		KHO VẬN ĐÁ BẠC	5/8	1983/8	15/8	NB 6861	CÁM 6A.1	3 280	3 271	9	7/8	CHUYÊN VÙNG	
10		KHO VẬN ĐÁ BẠC	5/8	1982/8	15/8	VIỆT NHẬT 19	CÁM 5B.1	2 736	2 734	2	8/8	CHUYÊN VÙNG	
		Tàu dự kiến rút trong ngày						9 635	1 424	8 211			
1		CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	7/8	1999/8	17/8	TẤN PHÚC 01	CÁM 5B.1	3 250		3 250		PTCB	
2		KDT MIỀN BẮC	8/8	2009/8	18/8	BN 2728	CÁM 6B.1	2 585	977	1 608	RÓT DỖ	PTCB	
3		KDT HẢI PHÒNG	8/8	2007/8	18/8	BN 2329	CÁM 5B.1	1 500		1 500		PTCB	
4		TẬP ĐOÀN THÁI SƠN HP	7/8	2003/8	14/8	HP 7227	CỤC ĐON 8A	1 200	448	752	RÓT DỖ	TD	
5		ĐTTM & DỊCH VỤ	8/8	2010/8	15/8	BN 0758	CỤC XÔ 1B	1 100		1 100		TD	
		Tàu đã làm lệnh						19 518		19 518			
1		NHÓM ĐẮK NÔNG	9/8	2014/8	19/8	HOÀNG GIA 45	CÁM 5A.1	1 705		1 705		HỘ LỚN	
							CỤC 4A.2	1 375		1 375			
2		CP XNK THAN	9/8	2016/8	19/8	HOÀNG ANH 68	CÁM 6A.1	4 000		4 000		PTCB	
3		KDT MIỀN BẮC	9/8	2013/8	19/8	BN 1988	CÁM 6B.1	1 400		1 400		PTCB	

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 8,9,10 THÁNG 8 NĂM 2026

[illegible]

